

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21- 05- 2026
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Ngân

Ông Lê Ngọc Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Anh- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh: không tham gia.

Ngày 21 tháng 05 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 199/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 68A/2026/QĐST- HNGĐ ngày 22/04/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu M, sinh ngày 25/08/2002 (vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt)

Căn cước công dân số: 07730200xxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31/05/2021

Địa chỉ: Ấp S, xã K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: Tổ 4, khu phố 4, phường T, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Đoàn Minh T, sinh ngày 01/02/1995 (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 07709500xxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/12/2021

Địa chỉ: Ấp S, xã K, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thu M và ông Đoàn Minh T yêu thương và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/02/2021 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh B (nay là xã K, Thành phố H).

Trong thời gian đầu, bà M và ông T chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung. Sau đó, hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống, mặc dù hai vợ chồng đã cố gắng giải quyết nhưng vẫn không có kết quả gì. Tháng 11/2025 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và bà M đã bỏ về nhà ba mẹ của bà để sinh sống cho đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu M xin được ly hôn với ông Đoàn Minh T.

- Về con chung: Bà M và ông T có 01 người con chung là: Đoàn Thị Thu C, sinh ngày 03/12/2019. Bà M đồng ý giao con chung cho ông Đoàn Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, bà M có nguyện vọng được cấp dưỡng nuôi con nhưng ông Trinh không đồng ý thì bà M đồng ý với ý kiến của ông Trinh là không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

** Đối với bị đơn ông Đoàn Minh T:* Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Đoàn Minh T vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng, ông Đoàn Minh T có ý kiến như sau: Bà M và ông T yêu thương và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/02/2021 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh B (nay là xã K, Thành phố H).

Trong thời gian đầu, bà M và ông chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung. Sau đó, hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống, mặc dù hai vợ chồng đã cố gắng giải quyết nhưng vẫn không có kết quả gì. Tháng 11/2025 bà M đã bỏ về nhà ba mẹ của bà M để sinh sống cho đến nay.

Xét thấy, vì ông vẫn còn tình cảm với vợ, muốn đoàn tụ vợ chồng để lo cho con cái nên ông Đoàn Minh T không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu M.

- Về con chung: Ông T và bà M có 01 người con chung là: Đoàn Thị Thu C, sinh ngày 03/12/2019. Trường hợp Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà M thì ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành, không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu M khởi kiện xin ly hôn và giải quyết về con chung với ông Đoàn Minh T nên đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con; nơi cư trú hiện nay của bị đơn ông Đoàn Minh T là tại Ấp S, xã K, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[1.2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh vắng mặt. Tuy nhiên, Viện kiểm sát khu vực 14 đã có Công văn số 186/CV-VKS ngày 20/04/2026, có nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cho thấy vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ và cũng không thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 không tham gia phiên tòa xét xử vụ án trên.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thu M và ông Đoàn Minh T vắng mặt. Tuy nhiên, bà M đã có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt; ông T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bà M, ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu M và ông Đoàn Minh T tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh B (nay là xã K, Thành phố H) theo giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 02/02/2021. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bà M và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng.

Tại phiên tòa, ông T vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 12/03/2026, ông T trình bày: Trong quá trình chung sống, ông và bà M phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, mặc dù hai vợ chồng đã cố gắng giải quyết nhưng vẫn không có kết quả gì. Từ tháng 11 năm 2025 bà M đã bỏ về nhà ba mẹ của bà M tại địa chỉ Tổ 4, khu phố 4, phường T, Thành phố H để sinh sống cho đến nay.

Tuy nhiên, ông T vẫn còn tình cảm với bà M nên ông không đồng ý ly hôn với bà M.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Thu M và ông Đoàn Minh T ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu M.

[2.2] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thu M và ông Đoàn Minh T có 01 người con chung là cháu Đoàn Thị Thu C, sinh ngày 03/12/2019. Bà M đồng ý giao con chung Đoàn Thị Thu C cho ông T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 12/03/2026 ông T trình bày: Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà M thì sau khi ly hôn ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Đoàn Thị Thu C cho đến khi con trưởng thành, không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Cần ghi nhận ý kiến của đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu Đoàn Thị Thu C cho ông Đoàn Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Đoàn Minh T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu M phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, bà M không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu M phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu M đối với ông Đoàn Minh T về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu M được ly hôn với ông Đoàn Minh T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu M và ông Đoàn Minh T có 01 con chung là cháu Đoàn Thị Thu C, sinh ngày 03/12/2019.

Giao con chung là cháu Đoàn Thị Thu C cho ông Đoàn Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con trưởng thành.

Bà Nguyễn Thị Thu M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Thu M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu M phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0013845 ngày 04/03/2026 của Thị hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà M đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV14- TP. Hồ Chí Minh;
- Thị hành án Dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV14- TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Kim Long, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Trần Thị Hồng Hạnh